

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trung Thông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trí Vy và ông Trần Văn Hoảng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HS ngày 02/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị L; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10/5/1990 tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang C và bà Hà Thị D; chồng Phan Cao V và 04 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Cao V; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 20/10/1988 tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đình Hh H và bà Trần Thị H; vợ Nguyễn Thị L và 04 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã Hồng Lĩnh - C; người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đình S; chức vụ: Giám đốc; Vắng mặt.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam chi nhánh huyện C; người đại diện theo pháp luật ông Trần Đình C; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị L; sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Buôn bán; có mặt.

+ Anh Hoàng Bá K; sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn Đình Cương, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Trọng D; sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Cán bộ; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trọng Đ; sinh năm: 1960; địa chỉ: Khối 7, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Bảo vệ; có mặt.

+ Chị Đặng Thị N; sinh năm: 1993; địa chỉ: TDP Khe Thờ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

+ Chị Phan Thị L; sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

+ Anh Bùi Mạnh L; sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

+ Chị Đinh Thị T; sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn Đình Cương, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Làm ruộng; vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh Q; sinh năm: 1968; địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

+ Anh Lê Phương N; sinh năm: 2000; địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt.

+ Ông Phan Đình Hh Huân; sinh năm: 1960; địa chỉ: TDP Khe Thờ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Hưu trí; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, do kinh doanh chăn nuôi lợn bị thua lỗ cho nên Nguyễn Thị L và Phan Cao V đã vay tiền của ngân hàng và nhiều cá nhân để duy trì hoạt động chăn nuôi lợn. Khoảng tháng 10/2019, sau khi Nguyễn Thị L tình cờ thấy tin nhắn quảng cáo về việc làm giấy tờ giả trên điện thoại của Văn (chồng của L). Do chưa có khả năng chi trả các khoản nợ nên L nên đã nảy sinh ý định đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm mục đích để thế chấp các khoản tiền đang nợ tạo lòng tin để kéo dài thời gian trả nợ. L đã sử dụng điện thoại Sam sung Galaxy J7+, gắn sim 0986680570 của Văn liên hệ với số điện thoại ở tin nhắn quảng cáo thì gặp một người không quen biết và được hướng dẫn liên lạc qua Zalo, L sử dụng tài khoản Zalo có tên ‘Phan Cao V’ để thỏa thuận với người làm giấy tờ giả sau đó gửi thông tin về các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đặt làm 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 11.000.000đ, gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành **CO303615**, đăng ký tên Phan Cao V, và Nguyễn Thị L. Thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 28, địa chỉ thửa đất: Thôn Tùng Liên, TT. Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích: 136,2 m<sup>2</sup>, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00172/2018, cấp ngày 04/12/2018.

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành **CO303618**, đăng ký tên Phan Trọng Đình và Đặng Thị N. Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn Tùng Liên, TT. Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích: 120 m<sup>2</sup>, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00174/2018, cấp ngày 04/10/2018.

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành **CR627310**, đăng ký tên Phan Cao V, và Nguyễn Thị L. Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất: Thôn Cồn Soi, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích: 300m<sup>2</sup>, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00025/2019, cấp ngày 16/8/2019.

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành **CO359627**, đăng ký tên Phan Cao V, và Nguyễn Thị L. Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: Thôn Tùng Liên, TT. Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. diện tích: 136,2 m<sup>2</sup>, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00172/2018, cấp ngày 04/10/2018.

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký tên Phan Trọng Đình, Đặng Thị N (Đặc điểm cụ thể của bìa đất này không rõ vì L đã tiêu hủy).

Do trước đó vợ chồng L, Văn đã vay Ngân hàng nhưng việc trả nợ không đúng hạn nên Ngân hàng không tiếp tục cho vay. Vì vậy sau khi có các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên L bàn với Văn rồi trao đổi với anh Hoàng Bá K, sinh 1988 và chị Đình Thị T sinh 1984 đều trú tại thôn Đình Cương, xã T, huyện C cùng thống nhất làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng 01 thửa đất của Văn, L tại thôn Cồn Soi, xã T và 01 thửa đất của Phan Trọng Đình sinh 1992, Đặng Thị N sinh 1993 đều trú tại TDP Khe Thờ, TT. Đ, huyện C cho anh K. Đến cuối tháng 11/2019, L đến Trung tâm hành chính công huyện C để hỏi thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do muốn có bìa đất sớm nên L đã nhờ ông Nguyễn Trọng Đ, sinh 1960, trú tại Khối 7, TT. N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh giúp, ông Đoàn đồng ý. Ngày 02/12/2019, Văn, L, Đình, Nghĩa và K, T đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Văn đưa hồ sơ và 02 bìa đất nói trên đến xin xác nhận của UBND xã T. Sau khi làm xong các thủ tục, L mang 01 bìa đất thật (Bìa đất của anh Phan Trọng Đình và chị Đặng Thị N) và 01 bìa đất giả số phát hành **CO627310** (Bìa đất mang tên Phan Cao V và Nguyễn Thị L, đây là bìa đất có thực trên thực tế và chưa thể chấp tại Ngân hàng hay cầm cố cho ai nhưng do bị cáo L lấy nhầm bìa đất giả để nộp) kèm theo hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng cho ông Đoàn. Ông Đoàn hẹn khoảng 07 đến 10 ngày sau sẽ làm xong thủ tục cho L. Sau đó, ông Đoàn đưa toàn bộ hồ sơ cho ông Nguyễn Trọng D, sinh 1972, trú tại xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C để làm thủ tục

chuyển đổi quyền sử dụng 02 thửa đất nói trên. Khoảng 14 ngày sau khi làm xong thủ tục chuyển nhượng, ông Đoàn đưa cho L 01 bìa đất có số phát hành **CS950287** và 01 bìa đất có số phát hành **CS950288** đều mang tên Hoàng Bá K, Định Thị T. Sau đó, L đưa 02 bìa đất này cho anh K để thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh C.

Khoảng từ tháng 09 đến tháng 10/2019 L, Văn đã vay 688.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, trú tại xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Do L và Văn chưa trả nợ cho chị Lài nên chị Lài đã yêu cầu đưa bìa đất đến để thế chấp khoản tiền đang vay. Tháng 12/2019, L đã đưa 02 bìa đất giả và 01 bìa đất thật (bìa này đã chuyển nhượng cho anh K) đến thế chấp cho chị Lài để nhằm kéo dài thời gian trả nợ, cụ thể các bìa như sau: 01 bìa giả số phát hành **CO303615**, 01 bìa giả mang tên Phan Trọng Đình, Đặng Thị N (hiện không xác định được đặc điểm) và 01 bìa đất gốc có số phát hành **CR627310**. Đến ngày 21/12/2019, chị Lài tiếp tục yêu cầu Văn, L viết giấy đảm bảo việc vay tiền trước đó với nội dung muốn dùng thửa đất trong bìa đất có số phát hành **CO303615** để thế chấp cho khoản nợ. L viết giấy hẹn trong thời gian 12 tháng (tức là đến tháng 12/2020) sẽ trả tiền cho chị Lài, lúc này Văn biết bìa đất chị Lài giữ là bìa giả vì trên thực tế Văn, L không có thửa đất này nhưng do muốn kéo dài thời gian trả nợ cho nên Văn, L vẫn viết giấy bán đất theo yêu cầu của chị Lài. Sau khi viết giấy theo yêu cầu của chị Lài, L vẫn thực hiện việc trả nợ cho chị Lài thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản cho con trai chị Lài là anh Lê Phương N, sinh năm 2000, trú tại xã Q, C, tỉnh Hà Tĩnh. Tính đến ngày 21/5/2020, L và Văn đã chuyển khoản 08 lần với tổng số tiền 38.000.000 đồng. Đến cuối tháng 5/2020, chị Lài nghi ngờ bìa đất mà L đưa cho chị là bìa giả nên chị Lài đã đưa bìa đất số phát hành **CO303615** nhờ người quen ở Phòng Tài nguyên Môi trường kiểm tra thì phát hiện bìa đất này là giả nên đã trình báo Công an huyện C.

Ngoài ra, theo lời khai của L thì trong khoảng thời gian tháng 3/2020 L sử dụng 01 bìa đất giả để cam kết việc trả nợ, cụ thể: do L vay của chị Phan Thị L sinh 1990, trú tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 100.000.000 đồng và hẹn 01 tháng sau sẽ trả cho chị Loan. Sau 01 tháng L chưa có tiền để trả cho chị Loan nên chị Loan yêu cầu L đưa giấy tờ để đảm bảo số tiền L đã vay của chị Loan trước đó. Sau đó, L đưa cho chị Loan 01 bìa đất giả, sau khi nhận bìa chị Loan nghi ngờ bìa đất L đưa là giả. Do đó L trả lại cho chị Loan 100.000.000 đồng.

Ngày 10/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày 16/6/2020, phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận đối với 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi đến trưng cầu giám định là giấy chứng nhận giả.

Ngày 16/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung đối với chữ viết, chữ ký trong giấy bán đất của Phan Cao V, Nguyễn Thị L.

Ngày 02/7/2020 phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận chữ viết, chữ ký gửi đến trung cầu giám định là chữ viết và chữ ký của Nguyễn Thị L, Phan Cao V.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7+, màu vàng đồng, số IMEL1: 352808090074444, số IMEL2: 352809090074442; gắn sim số: 0986680570, đã qua sử dụng của Phan Cao V.

Về dân sự: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã nhờ bố để là ông Phan Đình Hh Huân trả số tiền nợ 650.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị L, hiện chị Lài nhận lại số tiền nợ 650.000.000 đồng hiện không có yêu cầu gì thêm.

Với hành vi trên, Cáo trạng số 56/CT – VKSCL-HS ngày 13/10/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Phan Cao V về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày nội dung vụ án như lời trình bày của các bị cáo và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L và Phan Cao V phạm tội “Sử dụng giấy tờ tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2, điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị L: từ 15 đến 18 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Cao V: từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh, với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 11/2019, Nguyễn Thị L đã có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số phát hành **CR627310** để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Bá K. Ngoài ra, vào tháng 12/2019 Nguyễn Thị L cùng với Phan Cao V đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số phát hành **CO303615** nhằm mục đích tạo lòng tin và cam kết việc trả nợ cho chị Nguyễn Thị L.

Kết luận giám định số 87/PC09-KTHS, ngày 16/6/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi đến trung tâm giám định là giấy chứng nhận giả

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Bá K, sau đó anh K thế chấp tại Ngân hàng vay tiền cho L và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tạo lòng tin và cam kết việc trả nợ cho chị Nguyễn Thị L. Bị cáo thực hiện hành vi khi đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, không thuộc tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo hai lần sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phan Cao V đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm mục đích tạo lòng tin và cam kết việc trả nợ cho chị Nguyễn Thị L đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính về tài liệu của Nhà nước. Các bị cáo ý thức được hành vi sử dụng giấy tờ tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về đánh giá vai trò vị trí của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó Nguyễn Thị L là người đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đồng thời làm thủ tục chuyển nhượng và đưa giấy tờ cho bà Lại để tạo lòng tin nên giữ vai trò chính trong vụ án; Phan Cao V là người giúp sức cho L trong việc đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị Lại. Vì vậy mức hình phạt của L cao hơn Văn.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên

tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình nên đã tác động bố là ông Phan Đình Hh Huân khắc phục hậu quả cho bà Phan Thị Lại, người liên quan có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phan Cao V có thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò vị trí của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX thấy rằng:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội nhiều lần mức hình phạt theo quy định là từ 02 năm đến 05 năm tù, tuy nhiên xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động khắc phục hậu quả cho người liên quan, bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên dù giảm nhẹ đến đâu cũng cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phan Cao V có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Trong vụ án này, theo lời khai của Nguyễn Thị L, 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là do L đặt thông qua tin nhắn quảng cáo và liên hệ với một người đàn ông qua tài khoản Zalo nhưng L không biết thông tin gì về người đàn ông này. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành kiểm tra máy điện thoại và xác minh các cơ sở kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh nhưng không có kết quả. Do đó, không có cơ sở để xử lý.

Đối với ông Nguyễn Trọng Đ và ông Nguyễn Trọng D nhận hồ sơ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị L, quá trình nhận làm thủ tục chuyển nhượng 02 người này đều không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất L đưa là giả, nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Thị L với Hoàng Bá K và Đinh Thị T, quá trình làm thủ tục chuyển nhượng anh K và chị T

không biết L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm thủ tục chuyển nhượng, do đó không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7+, màu vàng đồng, số IMEL1: 352808090074444, số IMEL2: 352809090074442; gắn sim số: 0986680570, đã qua sử dụng của Phan Cao V. Đây là tài sản của Văn quá trình bị cáo L sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc mua các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả Phan Cao V không biết, vì vậy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Phan Cao V.

03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L; Đối với Phan Cao V áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về xử lý vật chứng và án phí.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L và Phan Cao V phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

3. Về hình phạt chính:

3.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam để thi hành án.

3.2. Xử phạt bị cáo Phan Cao V 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Bị cáo Phan Cao V phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019.



Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**4. Về vật chứng:** Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

Trả lại cho bị cáo Phan Cao V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7+, màu vàng đồng gắn sim số: 0986680570, đã qua sử dụng.

Tình trạng các vật chứng trên có tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/10/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

**5. Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Thị L và Phan Cao V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan cảnh sát điều tra;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Trung Thông**